

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 43
8. Phụ lục	44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn**Công ty mẹ**

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 06 năm 2007 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 18 tháng 01 năm 2008; thay đổi lần thứ năm ngày 16 tháng 01 năm 2009; thay đổi lần thứ sáu ngày 11 tháng 8 năm 2009 và thay đổi lần thứ bảy ngày 27 tháng 10 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 06 tháng 3 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 01 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 17 tháng 3 năm 2010; thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 7 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh đồng thời thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 12 tháng 01 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	82.500.000.000	16,46
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	41.250.000.000	8,23
Các cổ đông khác	377.610.900.000	75,31
Cộng	501.360.900.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 04 tháng 6 năm 2010 với mã chứng khoán là DTL.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 - 650) 3 719 999
Fax : (84 - 650) 3 849 888
E-mail : daithienloc@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 3 7 0 0 3 8 1 2 8 2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc – Xi nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc – Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên lộc
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại TP. Hồ Chí Minh (Bình Chánh)
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bình Dương (Dĩ An)

Địa chỉ

507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Vũng Tàu
Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
69 Trần Hưng Đạo, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
295 Trần Hưng Đạo B, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
14/20 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
105/49A ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, lô A, đường 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100%
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100%
Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13C, lô CN3, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701294836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã mua lại 3.217.840 cổ phiếu quỹ với giá mua và chi phí mua là 58.508.685.584 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2011 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	9.380.758.427 VND
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	362.200.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.286.406.742 VND
- Chia cổ tức đợt 2	97.000.896.000 VND
Cộng	114.030.261.169 VND

Ngoài ra, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã tạm chia cổ tức năm 2011 với tổng số tiền là 48.002.270.000 VND (1.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 4 năm 2011 và Thông báo chia cổ tức ngày 04 tháng 5 năm 2011.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01 tháng 6 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên	01 tháng 6 năm 2007	28 tháng 4 năm 2011
	Phó chủ tịch	28 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lê Anh Thi	Thành viên	25 tháng 4 năm 2008	11 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25 tháng 4 năm 2008	-
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25 tháng 4 năm 2008	-
Bà Lâm Thị Kim Phụng	Thành viên	11 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Hồng Nhung	Trưởng ban	29 tháng 4 năm 2010	11 tháng 4 năm 2011
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên	13 tháng 6 năm 2009	11 tháng 4 năm 2011
	Trưởng ban	11 tháng 4 năm 2011	-
Bà Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên	11 tháng 4 năm 2011	-
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Thành viên	11 tháng 4 năm 2011	-
Ông Phan Minh Hiền	Thành viên	29 tháng 4 năm 2010	11 tháng 4 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15 tháng 4 năm 2004	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 4 năm 2004	4 tháng 4 năm 2011
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2007	-
Bà Lâm Thị Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2009	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0410/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các Công ty con được trình tại thuyết minh 1.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Handwritten signature

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.243.001.577.612	1.590.843.803.713
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46.573.662.231	8.989.444.891
1. Tiền	111		22.944.092.231	8.989.444.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.629.570.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.411.544.000	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.808.256.322	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(396.712.322)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.904.518.489	76.278.053.478
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	121.250.179.569	56.144.957.825
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	4.620.870.808	13.643.701.276
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	7.538.571.114	10.361.677.597
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6.505.103.002)	(3.872.283.220)
IV. Hàng tồn kho	140		1.022.724.015.592	1.449.679.577.079
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.039.592.506.482	1.449.679.577.079
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(16.868.490.890)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.387.837.300	53.896.728.265
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	303.321.003	141.568.625
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.159.352.833	30.225.298.805
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.506.795	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	17.921.656.669	23.529.860.835

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		565.995.928.856	376.143.056.870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		565.927.451.061	373.451.246.870
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	66.094.314.831	65.971.889.987
<i>Nguyên giá</i>	222		104.113.926.229	92.512.523.605
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(38.019.611.398)	(26.540.633.618)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	-	4.261.943.532
<i>Nguyên giá</i>	225		-	5.455.287.708
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(1.193.344.176)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	61.330.504.989	63.046.667.105
<i>Nguyên giá</i>	228		62.961.546.808	64.361.546.808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.631.041.819)	(1.314.879.703)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	438.502.631.241	240.170.746.246
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		68.477.795	2.127.310.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	68.477.795	2.127.310.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	564.500.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	564.500.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.808.997.506.468	1.966.986.860.583

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.045.389.904.396	1.180.460.764.776
I. Nợ ngắn hạn	310		959.533.025.516	1.169.342.654.476
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	667.955.185.823	1.021.451.537.924
2. Phải trả người bán	312	V.18	229.180.511.808	89.098.961.337
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	5.574.408.555	12.000.042.998
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	35.386.337.202	36.245.849.144
5. Phải trả người lao động	315		215.977.969	1.015.607.724
6. Chi phí phải trả	316	V.21	4.324.115.833	3.423.658.215
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	12.131.101.125	5.172.437.581
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	4.765.387.201	934.559.553
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		85.856.878.880	11.118.110.300
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	85.530.579.780	10.786.237.200
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.13	326.299.100	331.873.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		763.607.602.072	786.526.095.807
I. Vốn chủ sở hữu	410		763.607.602.072	786.526.095.807
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	501.360.900.000	484.974.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	160.852.283.540	151.238.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(58.638.685.584)	(130.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.25	247.207.664	297.816.683
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	17.239.269.021	7.858.510.594
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	1.866.469.837	1.903.869.837
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	140.680.157.594	140.382.698.693
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.808.997.506.468	1.966.986.860.583

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		17.404,27	39.442,40
Euro (EUR)		100,27	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2012


Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	1.854.812.000.283	1.814.353.067.479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	2.178.099.751	5.672.998.620
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	1.852.633.900.532	1.808.680.068.859
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	1.513.269.094.156	1.451.606.960.311
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		339.364.806.376	357.073.108.548
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	7.832.567.698	19.930.723.495
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	122.325.604.276	128.405.554.716
Trong đó: chi phí lãi vay	23		81.180.510.228	79.659.277.265
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	16.314.805.370	14.409.042.717
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	29.021.268.663	26.409.463.453
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		179.535.695.765	207.779.771.157
11. Thu nhập khác	31	VL.7	4.424.273.387	271.291.676
12. Chi phí khác	32	VL.8	6.621.657.982	530.013.219
13. Lợi nhuận khác	40		(2.197.384.595)	(258.721.543)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		177.338.311.170	207.521.049.614
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	14.953.005.420	19.905.881.084
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>162.385.305.750</u>	<u>187.615.168.530</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		162.385.305.750	187.615.168.530
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	<u>3.476</u>	<u>3.869</u>

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		177.338.311.170	207.521.049.614
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12;V.13;V.14	11.208.846.615	9.904.096.423
- Các khoản dự phòng	03	V.3;V.6;V.9	19.898.022.994	186.343.295
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	661.227.500	(9.626.439.785)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.7;VI.8	(2.377.813.803)	(75.815.253)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	81.180.510.228	79.659.277.265
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		287.909.104.704	287.568.511.559
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(44.695.481.240)	45.814.575.850
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		410.087.070.597	(312.166.828.326)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		148.362.864.123	(169.975.694.228)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(161.752.378)	727.127.677
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21;VI.4	(79.980.624.257)	(77.351.301.610)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(24.770.594.540)	(15.791.443.749)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		688.146.359.427	1.287.137.624.505
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(687.976.026.496)	(1.265.422.518.844)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		696.920.919.940	(219.459.947.166)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12;V.13;V.15	(206.684.535.841)	(200.986.493.314)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.16	(7.220.000)	(2.260.630.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.066.052.205	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.159.538.141	75.815.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(202.466.165.495)	(203.171.308.061)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.25	(58.508.685.584)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17; V.24	1.253.693.108.777	2.061.832.486.087
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17; V.24	(1.507.106.345.798)	(1.579.213.828.627)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(1.876.800.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(144.948.614.500)	(66.034.802.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(456.870.537.105)	414.707.055.460
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		37.584.217.340	(7.924.199.767)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.989.444.891	16.935.620.813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(21.976.155)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	46.573.662.231	8.989.444.891



Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu; Mua bán sắt thép các loại; Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất thép xây dựng, thép hình.

- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, lô A, đường 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13C, lô CN3, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Chưa góp vốn

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 538 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 408 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. **Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã mua lại 3.217.840 cổ phiếu quỹ với giá mua và chi phí mua là 58.508.685.584 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-20
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định hữu hình khác	05

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

14. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2010 :	18.932 VND/USD
	31/12/2011 :	20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

23. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	648.279.926	615.673.067
Tiền gửi ngân hàng	22.295.812.305	8.373.771.824
Các khoản tương đương tiền (*)	23.629.570.000	-
Cộng	46.573.662.231	8.989.444.891

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre (*)	189.613	1.808.256.322	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống		2.000.000.000		2.000.000.000
Cộng		3.808.256.322		2.000.000.000

(*) Cổ phiếu của Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre tăng do mua thêm 189.613 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.808.256.322 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	121.030.095.761	54.418.902.500
Tại Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	220.083.808	1.726.055.325
Cộng	121.250.179.569	56.144.957.825

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước nguyên vật liệu	1.330.610.607	2.419.699.598
Trả trước máy móc thiết bị	2.944.524.534	10.543.653.034
Trả trước các dịch vụ khác	345.735.667	680.348.644
Cộng	4.620.870.808	13.643.701.276

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền cho công nhân viên vay	630.494.750	652.232.250
Thuế nhập khẩu được hoàn	5.495.266.731	5.345.913.607
Phải thu khác	1.412.809.633	4.363.531.740
Cộng	7.538.571.114	10.361.677.597

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	268.074.094	1.131.929.078
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	1.611.294.956
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.461.658.498	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	4.775.370.410	1.129.059.186
Cộng	6.505.103.002	3.872.283.220

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.872.283.220
Trích lập dự phòng bổ sung	2.632.819.782
Số cuối năm	6.505.103.002

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	147.039.070.840	423.322.972.029
Công cụ, dụng cụ	6.686.620.259	5.706.926.134
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.372.068	2.077.501.031
Thành phẩm	356.270.895.591	267.195.861.475
Hàng hóa	529.594.547.724	751.376.316.410
Cộng	1.039.592.506.482	1.449.679.577.079

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa có giá trị ghi sổ là 634.279.705.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	3.964.165.489	-
Hàng hóa	12.904.325.401	-
Cộng	16.868.490.890	-

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	29.097.729	31.118.626
Chi phí sửa chữa dàn mạ kẽm	137.392.074	110.449.999
Chi phí khác	136.831.200	-
Cộng	303.321.003	141.568.625

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.262.134.026	957.775.158
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.538.242.223	22.464.172.584
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.419	107.913.093
Cộng	17.921.656.669	23.529.860.835

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	16.931.484.163	50.498.852.368	23.715.171.208	1.280.015.866	87.000.000	92.512.523.605
Mua sắm mới	-	1.974.115.942	5.079.113.064	227.491.208	-	7.280.720.214
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	5.506.457.708	-	-	5.506.457.708
Thanh lý, nhượng bán	-	(576.878.485)	-	-	-	(576.878.485)
Giảm khác	-	(608.896.813)	-	-	-	(608.896.813)
						104.113.926.22
Số cuối năm	16.931.484.163	51.287.193.012	34.300.741.980	1.507.507.074	87.000.000	9
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	605.039.509	-	396.749.604	-	1.001.789.113

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	5.027.874.859	16.127.688.185	4.762.445.577	616.824.997	5.800.000	26.540.633.618
Khấu hao trong năm	1.203.658.803	5.555.727.849	3.603.079.106	189.646.263	17.400.000	10.569.512.021
Khấu hao lũy kế của tài sản thuê tài chính	-	-	1.486.344.244	-	-	1.486.344.244
Thanh lý, nhượng bán	-	(576.878.485)	-	-	-	(576.878.485)
Số cuối năm	6.231.533.662	21.106.537.549	9.851.868.927	806.471.260	23.200.000	38.019.611.398
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.903.609.304	34.371.164.183	18.952.725.631	663.190.869	81.200.000	65.971.889.987
Số cuối năm	10.699.950.501	30.180.655.463	24.448.873.053	701.035.814	63.800.000	66.094.314.831
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 43.607.604.191 VND và 29.527.826.523 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.455.287.708	1.193.344.176	4.261.943.532
Khấu hao trong năm	-	293.000.068	
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(5.455.287.708)	(1.486.344.244)	
Số cuối năm	-	-	-

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	64.270.247.808	91.299.000	64.361.546.808
Thanh lý, nhượng bán	(1.400.000.000)	-	(1.400.000.000)
Số cuối năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.292.054.957	22.824.746	1.314.879.703
Khấu hao trong năm	346.334.526	-	346.334.526
Thanh lý, nhượng bán	(30.172.410)		(30.172.410)
Số cuối năm	1.608.217.073	22.824.746	1.631.041.819

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	62.978.192.851	68.474.254	63.046.667.105
Số cuối năm	61.262.030.735	68.474.254	61.330.504.989
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	10.890.600.700	-	10.890.600.700
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Chi tiết các quyền sử dụng đất:

- Quyền sử dụng 6.327 m² đất tọa lạc tại lô A, đường số 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê đất số 098/HĐTLĐ/ST2, ngày 10 tháng 8 năm 2001.
 - Bên cho thuê : Công ty cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê : 41 năm 6 tháng, bắt đầu từ ngày 11 tháng 7 năm 2004 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2045.

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.

- Nguyên giá theo sổ sách 2.840.127.030 VND
- Giá trị còn lại theo sổ sách 2.067.327.602 VND

- Quyền sử dụng 105.285 m² đất tọa lạc tại lô CN8, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTĐ/ST3, ngày 07 tháng 02 năm 2007.
 - Bên cho thuê : Công ty cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê : 40 năm 6,5 tháng, bắt đầu từ ngày 07 tháng 02 năm 2007 đến ngày 21 tháng 12 năm 2055.

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

- Nguyên giá theo sổ sách 49.139.520.078 VND
- Giá trị còn lại theo sổ sách 49.139.520.078 VND

- Lô đất 5.000 m² tọa lạc tại ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
 - Nguyên giá theo sổ sách 8.400.600.700 VND
 - Giá trị còn lại theo sổ sách 7.633.657.929 VND
- Lô đất 830 m² tọa lạc tại khu vực 4, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 21 tháng 5 năm 2010. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng. Nguyên giá theo sổ sách là 2.490.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Tăng khác	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Thanh lý, nhượng bán	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	154.368.425.564	145.580.977.115	-	(1.493.229.047)	(1.629.857.445)	(4.915.546.942)	291.910.769.245
XDCB dở dang	85.802.320.682	58.712.040.283	2.077.501.031	-	-	-	146.591.861.996
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	95.250.305	-	-	-	(95.250.305)	-
Cộng	240.170.746.246	204.388.267.703	2.077.501.031	(1.493.229.047)	(1.629.857.445)	(5.010.797.247)	438.502.631.241

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	4.336	68.477.795	119.147	2.127.310.000
Cộng		68.477.795		2.127.310.000

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã mua 722 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với giá mua và chi phí mua là 7.220.000 VND và nhận 6.357 cổ phiếu thưởng. Đồng thời, Công ty đã bán 121.890 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với giá bán là 4.035.000.000 VND.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	627.432.881.903	916.304.434.725
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương	99.109.794.317	103.821.139.452
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	81.211.531.399	92.704.722.433
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	226.295.300.609	192.351.903.126
- Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội	-	97.255.592.681
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương	135.122.330.289	238.460.832.313
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	44.460.004.709	42.093.877.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	41.233.920.580	37.800.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	-	111.816.367.720
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	2.715.227.000	1.875.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.24)	37.807.076.920	2.421.003.200
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	850.399.999
Trái phiếu đến hạn trả	-	100.000.000.000
Cộng	667.955.185.823	1.021.451.537.924

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay các Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hoá.
- (ii) Khoản vay Ông Nguyễn Ứng Vũ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác	Chuyển đổi thành cổ phiếu	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngắn hạn	916.304.434.725	1.137.060.462.277	-	(1.425.932.015.099)	-	-	627.432.881.903
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.875.700.000	2.715.227.000	-	(1.875.700.000)	-	-	2.715.227.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.421.003.200	-	37.819.088.920	(2.433.015.200)	-	-	37.807.076.920
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	850.399.999	-	-	(850.399.999)	-	-	-
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	100.000.000.000	-	-	(74.000.000.000)	(16.460)	(25.999.983.540)	-
Cộng	<u>1.021.451.537.924</u>	<u>1.139.775.689.277</u>	<u>37.819.088.920</u>	<u>(1.505.091.130.298)</u>	<u>(16.460)</u>	<u>(25.999.983.540)</u>	<u>667.955.185.823</u>

18. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	162.812.016.924	87.839.601.637
Tại Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	66.368.494.884	1.259.359.700
Cộng	<u>229.180.511.808</u>	<u>89.098.961.337</u>

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	5.510.938.954	11.016.641.530
Tại Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	63.469.601	983.401.468
Cộng	<u>5.574.408.555</u>	<u>12.000.042.998</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	22.732.763	40.736.043.172	(30.048.346.329)	10.710.429.606
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	704.004.708	91.307.854.417	(91.556.229.485)	455.629.640
Thuế xuất, nhập khẩu	9.031.912.884	14.867.160.408	(18.505.164.883)	5.393.908.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	25.098.012.953	14.958.405.581	(24.770.594.540)	15.285.823.994
Thuế tài nguyên	2.857.600	-	(2.857.600)	-
Thuế nhà đất	-	29.544.200	(33.050.995)	(3.506.795)
Thuế thu nhập cá nhân	1.386.328.236	3.563.610.296	(1.409.392.979)	3.540.545.553
Các loại thuế khác	-	15.857.600	(15.857.600)	-
Cộng	<u>36.245.849.144</u>	<u>165.478.475.674</u>	<u>(166.341.494.411)</u>	<u>35.382.830.407</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm số điều chỉnh do chênh lệch số đầu năm của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc là 5.400.161 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với hoạt động thương mại, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo.
- Đối với hoạt động sản xuất, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay, trái phiếu	4.319.814.141	3.119.928.170
Chi phí bảo hiểm hàng hóa	-	103.730.045
Chi phí khác	4.301.692	200.000.000
Cộng	4.324.115.833	3.423.658.215

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	221.114.989	103.482.724
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	810.948.993	335.252.843
Cổ tức phải trả	1.890.253.660	1.835.702.160
Ông Đặng Minh Truyền - tiền mượn	4.524.742.200	-
Ông Nguyễn Ứng Vũ - tiền mượn	850.000.000	-
Doanh thu chưa thực hiện	762.404.537	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.071.636.746	2.897.999.854
Cộng	12.131.101.125	5.172.437.581

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	934.559.553
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	7.286.406.742
Tăng khác	88.076.300
Chi quỹ	(3.543.655.394)
Số cuối năm	4.765.387.201

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín ⁽ⁱ⁾	43.538.538.780	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	36.357.975.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp ⁽ⁱⁱⁱ⁾	424.988.000	1.093.339.200
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	4.813.078.000	9.692.898.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội ^(v)	396.000.000	-
Cộng	85.530.579.780	10.786.237.200

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ dự án sản xuất tole mạ hợp kim nhôm kẽm với công suất 150.000 tấn/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc số AL 527583 vào sổ số I000028/CN/2008 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 19/03/2008 và toàn bộ máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất tole mạ hợp kim nhôm kẽm công suất 150.000 tấn/ năm trị giá 104.100.000.000 VND.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng, đầu tư máy móc thiết bị của Dự án nhà máy thép cán nguội. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất số AL 527583 vào sổ số I000028/CN/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 19 tháng 3 năm 2008, đồng thế chấp với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai bao gồm: nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền được hình thành từ dự án tài trợ nhà máy thép cán nguội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp để thanh toán tiền đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để đầu tư phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội để đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	37.807.076.920
Trên 01 năm đến 05 năm	85.530.579.780
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	123.337.656.700

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	10.786.237.200
Số tiền vay phát sinh	113.917.419.500
Chênh lệch tỷ giá	661.227.500
Số tiền vay đã trả	(2.015.215.500)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(37.819.088.920)
Số cuối năm	85.530.579.780

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm trang 44.

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 16.386.200.000 VND.

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã chi trả cổ tức như sau:

Trả cổ tức năm trước	96.958.305.000
Tạm ứng cổ tức (10% mệnh giá)	47.990.309.500
Cộng	144.948.614.500

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.136.090	48.497.470
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.136.090	48.497.470
- Cổ phiếu phổ thông	50.136.090	48.497.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.227.840	10.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.227.840	10.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.908.250	48.487.470
- Cổ phiếu phổ thông	46.908.250	48.487.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.854.812.000.283	1.814.353.067.479
- Doanh thu bán hàng hoá	987.094.524.654	1.012.388.992.927
- Doanh thu bán thành phẩm	862.933.771.522	796.974.347.543
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.566.295	64.037.487
- Doanh thu bán vật liệu, phế liệu	4.723.137.812	4.925.689.522
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.178.099.751)	(5.672.998.620)
- Hàng bán trả lại	(2.162.825.622)	(5.147.075.915)
- Giảm giá hàng bán	(15.274.129)	(525.922.705)
Doanh thu thuần	1.852.633.900.532	1.808.680.068.859
Trong đó		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá	987.094.524.654	1.012.388.992.927
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	860.755.671.771	791.301.348.923
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	60.566.295	64.037.487
- Doanh thu thuần bán vật liệu, phế liệu	4.723.137.812	4.925.689.522

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hoá	791.031.501.736	860.022.688.336
Giá vốn thành phẩm	700.708.503.711	586.782.318.256
Giá vốn nguyên vật liệu, phế liệu	4.660.597.819	4.801.953.719
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.868.490.890	-
Cộng	1.513.269.094.156	1.451.606.960.311

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	169.811.450	202.181.970
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	190.590.346	-
Lãi đầu tư chứng khoán	1.968.947.795	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.503.218.107	10.026.286.487
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.626.439.785
Lãi tiền cho vay	-	75.815.253
Cộng	7.832.567.698	19.930.723.495

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	81.180.510.228	79.659.277.265
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	661.227.500	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.483.866.548	48.147.133.191
Lãi mua hàng trả chậm	-	599.144.260
Cộng	122.325.604.276	128.405.554.716

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.714.885.444	3.214.803.320
Chi phí vật liệu, bao bì	1.771.901.812	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	177.238.544	362.215.954
Chi phí khấu hao	106.929.990	31.444.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.633.747	636.200.588
Chi phí khác	9.964.215.833	10.164.378.313
Cộng	16.314.805.370	14.409.042.717

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	10.887.673.634	10.048.513.834
Chi phí công cụ, dụng cụ	299.945.105	554.330.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.054.791.913	836.428.669
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.787.712.903	7.964.275.545
Chi phí khác	8.991.145.108	7.005.915.342
Cộng	29.021.268.663	26.409.463.453

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	1.400.000.000	-
Thu tiền nhượng bán các dây chuyền máy móc thiết bị dở dang	1.817.760.697	-
Xử lý công nợ phải trả của các năm trước.	-	9.407.474
Thu do khách hàng vi phạm hợp đồng	1.057.166.515	3.000.000
Hàng khuyến mãi dùng thử	-	219.127.297
Thu nhập khác	149.346.175	39.756.905
Cộng	4.424.273.387	271.291.676

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.369.827.590	-
Giá trị còn lại chi phí XD CB dở dang thanh lý, nhượng bán	1.629.657.445	-
Nộp phạt tiền thuế	174.045.530	518.304.621
Chi phí khác	3.448.127.417	11.708.598
Cộng	6.621.657.982	530.013.219

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	162.385.305.750	187.615.168.530
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	162.385.305.750	187.615.168.530
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm ^(*)	46.714.625	48.487.470
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.476	3.869

^(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	48.487.470	38.800.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(1.772.845)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	9.697.470
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	46.714.625	48.487.470

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	773.046.666.526	802.045.550.373
Chi phí nhân công	20.967.400.886	17.676.539.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.067.401.714	9.783.301.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.274.869.020	11.097.736.341
Chi phí khác	21.383.498.231	19.732.386.487
Cộng	835.739.836.377	860.335.514.198

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	25.999.983.540	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	96.974.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.4 đến VIII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Mượn tiền	-	712.109.000
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.400.000.000	-
Các cá nhân có liên quan		
Vay tiền	-	29.919.000.000
Mua trái phiếu chuyển đổi	-	20.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	1.400.000.000	-
Các cá nhân có liên quan	-	-
Cộng nợ phải thu	<u>1.400.000.000</u>	<u>-</u>
Hội đồng quản trị	-	-
Các cá nhân có liên quan	-	20.000.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>20.000.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.153.286.855	998.826.085
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	16.328.300	29.662.800
Cộng	<u>1.169.615.155</u>	<u>1.028.488.885</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất và gia công sắt, thép các loại.
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt thép các loại.
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	860.755.671.771	987.094.524.654	4.783.704.107	-	1.852.633.900.532
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	18.309.012.540	-	-	(18.309.012.540)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	879.064.684.311	987.094.524.654	4.783.704.107	(18.309.012.540)	1.852.633.900.532
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	143.178.677.170	196.063.022.918	123.106.288	-	339.364.806.376
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(45.336.074.033)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					294.028.732.343
Doanh thu hoạt động tài chính					7.832.567.698
Chi phí tài chính					(122.325.604.276)
Thu nhập khác					4.424.273.387
Chi phí khác					(6.621.657.982)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(14.953.005.420)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					162.385.305.750

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>205.164.961.623</u>	-	-	-	<u>205.164.961.623</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>11.208.846.615</u>	-	-	-	<u>11.208.846.615</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-	-
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	791.301.348.923	1.012.388.992.927	4.989.727.009	-	1.808.680.068.859
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	<u>10.542.362.003</u>	-	-	<u>(10.542.362.003)</u>	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>801.843.710.926</u>	<u>1.012.388.992.927</u>	<u>4.989.727.009</u>	<u>(10.542.362.003)</u>	<u>1.808.680.068.859</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>204.519.030.667</u>	<u>152.366.304.591</u>	<u>187.773.290</u>	-	<u>357.073.108.548</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(40.818.506.170)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					<u>316.254.602.378</u>
Doanh thu hoạt động tài chính					19.930.723.495
Chi phí tài chính					(128.405.554.716)
Thu nhập khác					271.291.676
Chi phí khác					(530.013.219)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(19.905.881.084)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<u>187.615.168.530</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>203.247.123.314</u>	-	-	-	<u>203.247.123.314</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>11.321.176.360</u>	-	-	-	<u>11.321.176.360</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>352.306.730.102</u>	<u>516.690.222.323</u>	-	-	<u>868.996.952.425</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					<u>940.000.554.043</u>
Tổng tài sản					<u>1.808.997.506.468</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					<u>1.045.389.904.396</u>
Tổng nợ phải trả					<u>1.045.389.904.396</u>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>267.195.861.475</u>	<u>751.376.316.410</u>	-	-	<u>1.018.572.177.885</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					<u>948.414.682.698</u>
Tổng tài sản					<u>1.966.986.860.583</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					<u>1.180.460.764.776</u>
Tổng nợ phải trả					<u>1.180.460.764.776</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	1.397.808.022.459	1.368.628.208.106
Nước ngoài	454.825.878.073	440.051.860.753
Cộng	1.852.633.900.532	1.808.680.068.859

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Trong nước	205.164.961.623	203.247.123.314	1.800.093.553.555	1.947.975.857.196
Nước ngoài	-	-	5.423.931.118	14.883.693.387
Cộng	205.164.961.623	203.247.123.314	1.805.517.484.673	1.962.859.550.583

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.573.662.231	8.989.444.891	46.573.662.231	8.989.444.891
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.480.021.795	2.127.310.000	1.480.021.795	2.127.310.000
Phải thu khách hàng	116.687.247.146	53.395.213.780	116.687.247.146	53.395.213.780
Các khoản phải thu khác	23.518.057.204	33.333.499.257	23.518.057.204	33.333.499.257
Cộng	190.258.988.376	99.845.467.928	190.258.988.376	99.845.467.928
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	229.180.511.808	89.098.961.337	229.180.511.808	89.098.961.337
Vay và nợ	753.485.765.603	1.032.237.775.124	753.485.765.603	1.032.237.775.124
Phải trả người lao động	215.977.969	1.015.607.724	215.977.969	1.015.607.724
Chi phí phải trả	4.324.115.833	3.423.658.215	4.324.115.833	3.423.658.215
Các khoản phải trả khác	12.457.400.225	5.504.310.681	12.457.400.225	5.504.310.681
Cộng	999.663.771.438	1.131.280.313.081	999.663.771.438	1.131.280.313.081

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.8, V.12 và V.14). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho	634.279.705.000	532.464.789.217
Tài sản cố định hữu hình	29.527.826.523	21.783.967.141
Tài sản cố định vô hình	58.840.505.609	59.954.765.112
Dây chuyền máy móc thiết bị dở dang	104.100.000.000	-
Cộng	826.748.037.132	614.203.521.470

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	229.180.511.808	-	-	229.180.511.808
Vay và nợ	667.955.185.823	85.530.579.780	-	753.485.765.603
Phải trả người lao động	215.977.969	-	-	215.977.969
Chi phí phải trả	4.324.115.833	-	-	4.324.115.833
Các khoản phải trả khác	12.131.101.125	326.299.100	-	12.457.400.225
Cộng	913.806.892.558	85.856.878.880	-	999.663.771.438

Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	89.098.961.337	-	-	89.098.961.337
Vay và nợ	1.021.451.537.924	10.786.237.200	-	1.032.237.775.124
Phải trả người lao động	1.015.607.724	-	-	1.015.607.724
Chi phí phải trả	3.423.658.215	-	-	3.423.658.215
Các khoản phải trả khác	5.172.437.581	331.873.100	-	5.504.310.681
Cộng	1.120.162.202.781	11.118.110.300	-	1.131.280.313.081

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
	+ 2%	(5.962.868.883)
	- 2%	5.962.868.883
Năm trước		
	+ 2%	(5.139.839.969)
	- 2%	5.139.839.969

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Tập đoàn là 1.480.021.795 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 là 2.127.310.000 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ giảm/tăng khoảng 111.001.635 VND (năm trước là 159.548.250 VND).



Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	388.000.000.000	151.238.500.000	(130.000.000)	-	2.858.510.594	-	127.335.686.195	669.302.696.789
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	96.974.700.000	-	-	-	-	-	(96.974.700.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(67.882.470.000)	(67.882.470.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	187.615.168.530	187.615.168.530
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	5.000.000.000	2.355.669.837	(9.710.986.032)	(2.355.316.195)
Tăng khác	-	-	-	-	-	(451.800.000)	-	(451.800.000)
Chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư xây dựng	-	-	-	297.816.683	-	-	-	297.816.683
Số dư cuối năm trước	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	297.816.683	7.858.510.594	1.903.869.837	140.382.698.693	786.526.095.807
Số dư đầu năm nay	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	297.816.683	7.858.510.594	1.903.869.837	140.382.698.693	786.526.095.807
Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	16.386.200.000	9.613.783.540	-	-	-	-	-	25.999.983.540
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(58.508.685.584)	-	-	-	-	(58.508.685.584)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	162.385.305.750	162.385.305.750
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	9.380.758.427	362.200.000	(17.029.365.169)	(7.286.406.742)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(145.003.166.000)	(145.003.166.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(399.600.000)	-	(399.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(50.609.019)	-	-	(55.315.680)	(105.924.699)
Số dư cuối năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	247.207.664	17.239.269.021	1.866.469.837	140.680.157.594	763.607.602.072

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2012

(Signature)

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

(Signature)
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC
Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

ĐẠI THIÊN LỘC
BÌNH DƯƠNG

ĐẠI THIÊN LỘC
BÌNH DƯƠNG